

Thiết bị bảo hộ khẩn cấp





 Global Partners



GE Imagination
at Work



Powering Business Worldwide



EMERSON



MITSUBISHI

HITACHI
Inspire the Next



中華電信
Chungwa Telecom



Prosurge, Inc - Florida, Hoa Kỳ



Prosurge Electronics Co., Ltd - Phật Sơn, Trung Quốc

Prosurge là một công ty bảo vệ làn sóng cạnh tranh toàn cầu và là một trong những công ty phát triển nhanh nhất trong ngành công nghiệp này. Nó bao gồm 2 công ty: Prosurge, Inc

Prosurge Electronics Co., Ltd

Chúng tôi bắt đầu từ một khởi đầu khiêm tốn bởi một nhóm các chuyên gia và bây giờ chúng tôi đã phát triển thành một doanh nghiệp với hơn 120 nhân viên. Trong 12 năm qua, chúng tôi mở rộng kinh doanh của chúng tôi trong 6 châu lục và hơn 60 quốc gia. Mặc dù Hoa Kỳ vẫn là thị trường duy nhất lớn nhất của chúng tôi, hầu hết doanh thu của chúng tôi đến từ thị trường quốc tế. Sứ mệnh của chúng tôi là để bảo vệ hàng triệu doanh nghiệp, hộ gia đình và các tổ chức từ lightning & tăng thiệt hại. Lấy cảm hứng và khuyến khích bởi nhiệm vụ này, chúng tôi đang làm điều khác biệt so với nhiều đối thủ cạnh tranh của chúng tôi.

Chúng tôi đổi mới. Là một công ty kỹ thuật điều khiển, chúng tôi đầu tư một tỷ lệ wayabove-doanh thu trung bình hàng năm vào R & D. Điều này đảm bảo Prosurge

là một trong số rất ít công ty có thể cung cấp các SPDS hoàn thiện nhất trên cả hai thị trường tiêu chuẩn UL và IEC. Chúng tôi thách thức. Sử dụng sự khéo léo của chúng tôi, chúng tôi đang nâng cao các tiêu chuẩn về chất lượng và độ tin cậy SPD thông qua thiết kế, sản xuất và thử nghiệm. SPD của chúng tôi là một trong những an toàn nhất trên thị trường.

Chúng tôi cộng tác. Nhóm nghiên cứu Prosurge là một trong những tốt nhất trong ngành công nghiệp. Chúng tôi chia sẻ cùng giá trị: theo đuổi sự xuất sắc trong tất cả mọi thứ chúng tôi làm. Cùng nhau, chúng tôi đang cung cấp các sản phẩm đẳng cấp thế giới và giải pháp. Chúng tôi tiến bộ. Mặc dù thành tích của chúng tôi, Chúng tôi xét thấy mình tiến bộ thay vì thành công. Với cải thiện tâm lý liên tục, chúng tôi luôn cải thiện hơn chúng ta sử dụng để được. Chúng tôi hỗ trợ. Khách hàng của chúng tôi được hỗ trợ và phục vụ tốt trong nhiều cách khác nhau: 2 giờ Đáp lại, tập huấn kỹ thuật, hội nghị video, hãy truy cập thường xuyên, vật liệu cũng như các tài liệu vv. Trong thực tế, họ là như vậy trung thành và hài lòng rằng họ rất vui khi được viết thư giới thiệu cho chúng ta. Tin tưởng chúng tôi với sự tự tin. Giữ an toàn và âm thanh với Prosurge!

Đội



Bill Goldbach

Bill đã được công nhận như một chuyên gia ngành công nghiệp hàng đầu trong kỹ thuật điện và tăng các thiết bị bảo vệ. Ông từng là thành viên của IEEE' bảng tiêu chuẩn và UL 1449 STP.



Terry Mao

Terry đã được trong ngành công nghiệp bảo vệ sự đột biến trong khoảng 20 năm. Ông có kinh nghiệm chuyên sâu và chuyên môn kéo dài từ MOV sang SPD.

Lab & Kiểm tra

Từ nền tảng của chúng tôi, chúng tôi tin rằng chất lượng là tối quan trọng cho một sản phẩm an toàn như SPD. Vì vậy chúng tôi đầu tư rất nhiều để xây dựng một phòng thí nghiệm đó là hoàn toàn có khả năng để thực hiện các bài kiểm tra theo tiêu chuẩn IEC 61.643-11 và UL 1449 4th tiêu chuẩn ed.



Impulse Generator hiện tại

- ✚ Đối với IEC / EN 61.643 Loại 1 / Class B SPD thử nghiệm
- ✚ Công suất hiện tại: 50kA (10 / 350 μ s), 200kA (8 / 20 μ s)



Multi-dạng sóng Surge Generator

- ✚ Đối với IEC / EN 61.643 Type2, 3 / Lớp C, D SPD, và UL1449 tất cả thử nghiệm loại
- ✚ Công suất hiện tại: 120kA (8 / 20 μ s) & sóng kết hợp (1,2 / 50 μ s điện áp - 8 / 20 μ s hiện hành)



- ✚ Sản phẩm ổn định cấu trúc & kiểm tra bao bì



Lão Hóa thử nghiệm trực tuyến

- ✚ U_c, MCOV tuân thủ 100% thử nghiệm trực tuyến trước khi đóng gói



Xếp hạng Nhiệt độ chức năng (Tf)

- ✚ UL60691 & IEC60691 Rung Tester



1.2 / 50 Voltage Impulse Generator

- ✚ UL 1449 & IEC61643



Môi trường thử nghiệm Phòng

- ✚ UL 1449 & IEC61643



Nhiệt độ ổn định Tester

- ✚ IEC61643



Intermediate Tester hiện tại

- ✚ UL 1449



Accelerated Tester lão hóa

- ✚ UL 1449 & IEC61643



Handheld SPD Tester

- ✚ UL 1449 & IEC61643



Phân tích Fluke Mạng

- ✚ UL497 & IEC61643-21



oscilloscope



Cầu điện kỹ thuật số



SPD Component Tester



Varistor Parameter Tester



UL



ETL



KEMA



TUV



CE



ISO 9001: 2015



BẰNG SÁNG CHẾ US

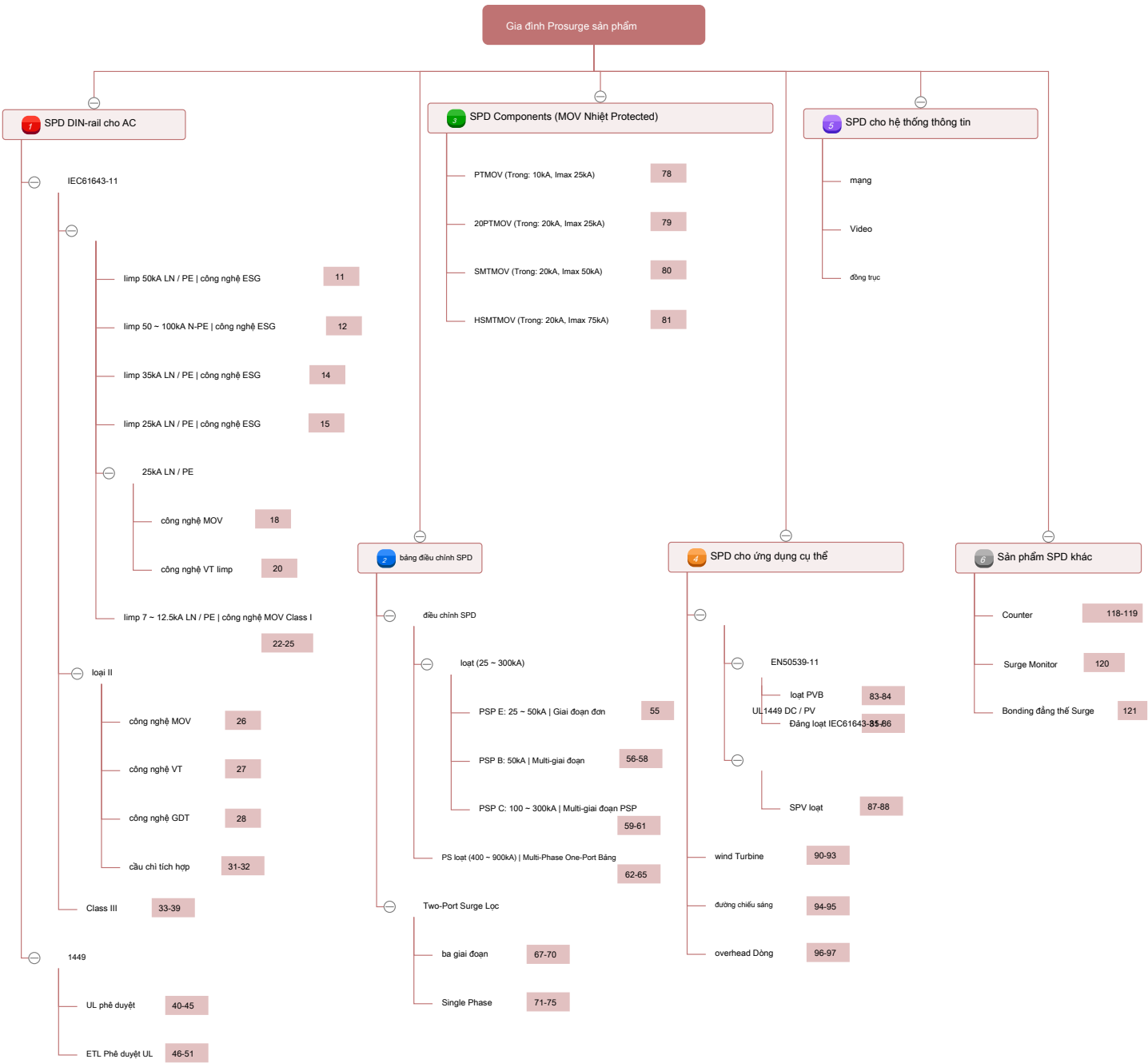


ĐỨC SÁNG CHẾ



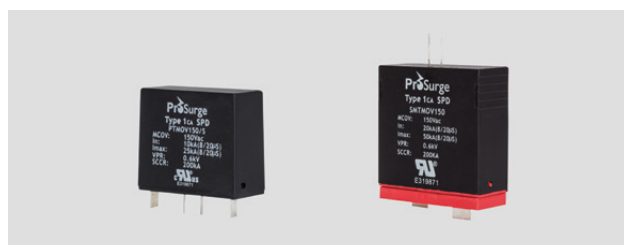
KOREA PATENT

gia đình sản phẩm



Lưu ý: Vui lòng kiểm tra hàng loạt sản phẩm có liên quan căn cứ vào số trang.

Nội dung



SPD DIN-rail cho AC Power Supply

Tiêu chuẩn IEC

lớp I	11-25
loại II	26-32
class III	33-39

tiêu chuẩn UL

UL phê duyệt	40-45
ETL Approval	46-51

bảng điều chỉnh SPD

Một-Port Bảng điều chỉnh SPD (UL Standard)

PSP Dòng 25-300kA	54-61
PS series 400-900kA	62-65

Hai-Port Surge Lọc (Tiêu chuẩn IEC)

ba giai đoạn	67-70
Giai đoạn đơn	71-75

SPD Components - Nhiệt Protected MOV

PTMOV tối thiểu: 10kA; tối đa: 25kA	78
20PTMOV tối thiểu: 20kA; tối đa: 25kA	79
SMTMOV tối thiểu: 20kA; tối đa: 50kA	80
HSMTMOV tối thiểu: 20kA; tối đa: 75kA	81

SPD cho các ứng dụng cụ thể

SPD cho DC / PV Hệ thống	82-89
SPD cho Wind Turbine	90-93
SPD cho đường chiếu sáng	94-95
SPD cho Overhead Dòng	96-97

SPD cho hệ thống thông tin

98-117

Sản phẩm khác

Surge Counter	118-119
Surge Monitor	120
Sét đẳng thế Bonding	121

Surge thiết bị bảo vệ (SPD)

Thiết bị có chứa ít nhất một thành phần phi tuyến đó là nhằm hạn chế điện áp tăng và chuyển hướng dòng đột biến

Dâng trào

Một làn sóng thoáng qua của hiện tại, tiềm năng hay quyền lực trong một mạch điện. Dâng không bao gồm quá áp tạm thời (TOV) bao gồm sự gia tăng điện áp tần số nguồn trong vài chu kỳ.

Một cổng SPD

SPD không có trở kháng loạt dự định

Hai cổng SPD

SPD có một trở kháng loạt cụ kết nối giữa đầu vào riêng biệt và kết nối đầu ra

SPD loại mỗi IEC61643 (EN61643)

Kiểm tra lớp I : Kiểm tra thực hiện với việc xả xung hiện tại tối I_{imp} , với một xung hiện tại 8/20 với giá trị đỉnh bằng giá trị đỉnh của tối I_{imp} , và với một xung 1,2 / 50 điện áp

Lớp kiểm tra II : Kiểm tra thực hiện với việc xả danh nghĩa hiện tại tối I_n , và xung điện áp 1,2 / 50

Lớp kiểm tra III : Kiểm tra thực hiện với 1,2 / 50 điện áp - 8/20 hiện nay phát sóng kết hợp

SPD loại mỗi UL1449

Loại 1 : Vĩnh viễn kết nối SPDS dành cho cài đặt giữa thứ cấp của máy biến áp dịch vụ và các bên dòng của thiết bị quá dòng thiết bị dịch vụ, cũng như phía tải, bao gồm thùng ổ cắm watt-hour mét và SPDS Trường hợp thanh nẹp gỗ dự định sẽ được cài đặt mà không có một thiết bị bảo vệ quá dòng bên ngoài. Loại 1 SPDS để sử dụng trong các hệ thống PV có thể kết nối giữa các mảng PV và ngắt kết nối dịch vụ chính.

Lưu ý: SPDS điều tra cho các ứng dụng Loại 1 là tự động thích hợp cho các ứng dụng 2 loại và có thể được đánh dấu để SPD loại 1 và / hoặc 2 ứng dụng Loại. SPDS chỉ đánh dấu "SPD loại 2" không phù hợp với loại 1 ứng dụng.

Loại 2 : Vĩnh viễn kết nối SPDS dành cho việc lắp đặt ở phía tải của thiết bị thiết bị phục vụ quá dòng; bao gồm SPDS nằm ở bảng điều khiển chi nhánh và SPDS Trường hợp thanh nẹp gỗ.

Loại 3 : Quan điểm của SPDS sử dụng, lắp đặt tại một chiều dài dây dẫn tối thiểu là 10 mét (30 feet) từ bảng điều khiển dịch vụ điện đến điểm của việc sử dụng, ví dụ như dây kết nối trực tiếp plug-in, loại ổ cắm và SPDS lắp đặt tại các thiết bị sử dụng được bảo vệ. Khoảng cách (10 mét) không bao gồm dây dẫn được cung cấp cùng hoặc đã từng đính kèm SPDS.

Loại 4 Component Assemblies : Lắp ráp thành phần bao gồm một hoặc nhiều loại 5 thành phần với nhau với một ngắt kết nối (không thể thiếu trong hoặc bên ngoài) hoặc một phương tiện tuân thủ các xét nghiệm hiện tại hạn chế.

Loại 1, 2, 3 phần Assemblies : Bao gồm một Loại 4 thành phần lắp ráp với bảo vệ ngắn mạch nội bộ hay bên ngoài.

Loại 5 : suppressors rời rạc thành phần đột biến, chẳng hạn như MOVs có thể được gắn trên một PWB, nối với nhau bằng dẫn hoặc cung cấp trong một bao vây với lắp phương tiện và chấm dứt hệ thống dây điện.

Lưu ý: Loại 5 SPDS và loại 1, 2, 3 và 4 cụm linh kiện chỉ dành cho cài đặt nhà máy trong vòng một thành phần, thiết bị hoặc sản phẩm.

Phương thức bảo vệ của một SPD

Một đường dẫn hiện tại dự định, giữa thiết bị đầu cuối có chứa các thành phần bảo vệ, ví dụ như dòng xếp hàng, line-to-earth, line-to-trung lập, trung lập-to-earth.

Hệ Thống Chống Sét (LPS)

Toàn bộ hệ thống sử dụng để bảo vệ một cấu trúc và nội dung của nó chống lại những ảnh hưởng của sét

1,2 / 50 Voltage Impulse

Điện áp xung với thời gian trước ảo danh nghĩa của 1,2 ms và một thời gian đáng kể để nửa giá trị của 50 ms

8/20 Impulse hiện tại

xung hiện tại với thời gian trước ảo danh nghĩa của 8 ms và một thời gian đáng kể để nửa giá trị của 20 ms

kết hợp sóng

Một làn sóng đặc trưng bởi biên độ điện áp được xác định (U_{oc}) và waveshape trong điều kiện mở mạch và một biên độ hiện tại được xác định (I_{cm}) và waveshape trong điều kiện ngắn mạch

nhật Runaway

điều kiện hoạt động khi tần quyền lực bền vững của một SPD vượt quá khả năng tản nhiệt của nhà ở và các kết nối, dẫn đến một sự gia tăng tích lũy trong nhiệt độ của các yếu tố nội bộ mà đỉnh cao là thất bại

SPD dao cách ly (cách ly)

Thiết bị để ngắt kết nối một SPD, hoặc một phần của SPD, từ hệ thống điện

Chỉ số tình trạng

Các thiết bị đó cho thấy tình hình hoạt động của một SPD, hoặc một phần của một SPD.

Ổn định nhiệt

SPD là nhiệt ổn định nếu sau khi nóng lên trong quá trình thử nghiệm vụ điều hành, nhiệt độ của nó giảm dần theo thời gian trong khi tràn đầy sinh lực ở quy định tối đa điện áp hoạt động liên tục và ở điều kiện nhiệt độ môi trường xung quanh theo quy định

Danh nghĩa Varistor điện áp (U_{1mA})

Điện áp trên MOV đo tại 1 mA DC

Xả danh nghĩa hiện tại (I_{tn})

Giá trị đỉnh của dòng điện qua SPD có một waveshape hiện tại của 8/20

Xả Impulse hiện tại (I_{imp})

Giá trị đỉnh của một xả dòng điện qua SPD với quy định chuyển giao trách Q và quy định năng lượng W / R trong thời gian quy định

Tổng số Current Xả ($I_{Toàn bộ}$)

Dòng điện chảy qua PE hoặc PEN dẫn của một SPD đa cực trong kiểm tra tổng lưu lượng hiện tại

Xả tối đa hiện tại ($I_{tối max}$)

Giá trị đỉnh của một dòng điện qua SPD có một 8/20 waveshape và cường độ theo đặc điểm kỹ thuật sản xuất. $I_{tối max}$ là bằng hoặc lớn hơn I_n .

Tối đa liên tục điện áp hoạt động (U_c)

rms điện áp tối đa, có thể được tiếp tục áp dụng chế độ bảo vệ của SPD

Điện áp hoạt động liên tục tối đa cho PV Application (U_{ocsvw})

điện áp DC tối đa có thể được tiếp tục áp dụng chế độ bảo vệ của SPD

Làm theo hiện tại ($I_{tối n}$)

Đỉnh hiện được cung cấp bởi hệ thống điện và chảy qua các SPD sau một xung xả hiện tại

Làm theo hiện Interrupt Đánh giá (I_n)

Tiềm năng dòng ngắn mạch rằng một SPD có thể làm gián đoạn mà không hoạt động của dao cách ly

Đánh giá tải hiện tại ($I_{tối u}$)

rms tối đa liên tục đánh giá hiện tại có thể được cung cấp cho một tải điện trở nối với đầu ra bảo vệ của một SPD.

Điện áp cấp độ bảo vệ (U_n)

điện áp tối đa để được mong đợi ở các nhà ga SPD do sự căng thẳng xung với độ dốc điện áp được xác định và căng thẳng xung với một xả hiện tại với biên độ nhất định và waveshape.

Voltage Protection Rating (VPR) mỗi UL 1449

Một đánh giá được lựa chọn từ một danh sách các giá trị ưu đãi như được đưa ra trong phiên bản mới nhất của ANSI / UL 1449. Giá trị của VPR được xác định như một giá trị cao hơn lấy từ bảng của UL 1449 với mức trung bình đo điện áp giới hạn xác định trong tập đầu tiên của đo hạn chế điện áp thử nghiệm trong thời gian thử nghiệm ức chế sự đột biến thoáng qua điện áp bằng cách sử dụng máy phát sóng kết hợp tại một thiết lập của 6kV, 3kA. Là một hệ thống đánh giá tiêu chuẩn hóa, VPR cho phép so sánh trực tiếp giữa SPDS tương tự (tức là cùng loại và Voltage).

Giá trị quá áp tạm thời của Hệ thống điện (U_{TOV})

tần số điện quá áp xảy ra trên mạng tại một địa điểm nhất định, trong thời gian tương đối dài. TOVs có thể là do lỗi bên trong hệ thống LV ($U_{TOV(LV)}$) hoặc bên trong hệ thống HV ($U_{TOV(HV)}$)

Mở Circuit Voltage (U_{oc})

Mở điện áp mạch của máy phát sóng kết hợp tại các điểm kết nối của thiết bị được kiểm tra

Ngắn mạch Đánh giá hiện tại ($I_{tối sc}$) mỗi IEC 61.643

Tối đa tiềm năng dòng ngắn mạch từ hệ thống điện mà SPD, kết hợp với các dao cách ly theo quy định, được đánh giá

Short Circuit Đánh giá hiện tại ($I_{tối scsc}$) mỗi UL 1449

Sự phù hợp của một SPD để sử dụng trên một mạch điện AC đó là khả năng cung cấp không quá một rms tuyên bố đối xứng hiện tại tại một điện áp tuyên bố trong một điều kiện ngắn mạch. SCCR là không giống như AIC (Amp gián đoạn năng lực). SCCR là lượng "có sẵn" hiện rằng SPD có thể phải chịu và ngắt kết nối một cách an toàn từ các nguồn năng lượng trong điều kiện ngắn mạch. Lượng hiện "gián đoạn" của SPD là thường ít hơn so với "có sẵn" hiện đáng kể.

Ngắn mạch Đánh giá hiện tại của PV SPD (I_{scpv})

Tối đa tiềm năng dòng ngắn mạch từ hệ thống điện mà PV SPD, kết hợp với các dao cách ly theo quy định, được đánh giá.

Mức độ bảo vệ Enclosure (IP)

Phân loại trước bởi IP biểu tượng cho thấy mức độ bảo vệ được cung cấp bởi một vỏ bọc chống truy cập đến các bộ phận nguy hiểm, chống lại sự xâm nhập của các đối tượng nước ngoài vững chắc và sự xâm nhập có thể gây hại nước.

Bao vây Đánh giá NEMA

Đảm bảo rằng các ing NEMA chuột của bao vây phù hợp với điều kiện môi trường tại địa điểm nơi mà các thiết bị được cài đặt.

Dư hiện tại ($I_{tối PE}$)

Hiện tại chảy qua các thiết bị đầu cuối PE của SPD trong khi nạp năng lượng ở cấp điện áp kiểm tra tài liệu tham khảo (U_{REF}) khi kết nối theo hướng dẫn của nhà sản xuất

Hiện liên tục cho PV Application (I_{ocsvw})

Dòng điện chảy qua các thiết bị đầu cuối cộng và trừ của SPD trong khi tràn đầy sinh lực ở $U_{Đáng}$

Return Loss

Mô đun của số nghịch đảo của các yếu tố phản ánh, thường được biểu thị bằng decibel (dB). Khi trở kháng có thể được định nghĩa, sự mất mát trở lại trong dB được cho bởi công thức: $20 \log_{10} \frac{MOD}{(Z1 + Z2) / (Z1 - Z2)}$

Chèn Mất

Tổn thất từ việc chèn một SPD thành một hệ thống truyền dẫn. Đó là tỷ số giữa công suất cung cấp cho rằng một phần của hệ thống sau khi SPD, trước khi chèn của SPD, với sức mạnh chuyển giao cho rằng cùng một phần sau khi chèn của SPD.



DIN-rail SPD cho AC Power Supply (Tiêu chuẩn IEC)



Lớp I SPD



Lớp SPD II



Class III SPD

G50 / ... -S



- Non-pluggable T1 + 2 SPD với Encapsulated Spark Gap công nghệ (ESG) để đảm bảo độ tin cậy trong môi trường khắc nghiệt và vị trí tiếp xúc cao.
- sét cao công suất xả hiện nay lên đến t_{imp} 50kA 10 / 350 μ s
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- mức độ bảo vệ điện áp thấp
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th IEEE C62.41, CSA C22.2



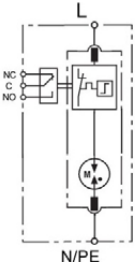
Mô hình		G50 / 150-S	G50 / 175-S	G50 / 275-S	G50 / 320-S	G50 / 385-S	G50 / 420-S
tuân		EN / IEC 61.643-11					
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2					
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V	385V	420V
Công nghệ		công nghệ ESG nhiệt dao cách ly					
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE					
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	t _{imp}	50kA					
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{1s}	50kA					
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{1max}	150kA					
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 1.2kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV	≤ 1.6kV	≤ 1.8kV	≤ 2.0kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{10v}	228V / 120min	228V / 120min	442V / 120min	442V / 120min	529V / 120min	585V / 120min
hiện tại còn lại	t _{off}	Không					
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	t _{1s}	25kA					
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643-11	t _{1sc}	25kA					
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns					
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		500A GL / GG					
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m					
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²					
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3					
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0					
Mức độ bảo vệ		IP20					
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880					
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-					
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng					
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE					
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên							
hệ		Isolated Mẫu C					
Switching Capability U _n / t _{off}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A					
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)					

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 13 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Về Dimension



?? Basic Circuit Diagram



T1

Độc Cực SPD

?? NPE Mô-đun

T2

G ... / 255NPE

T3



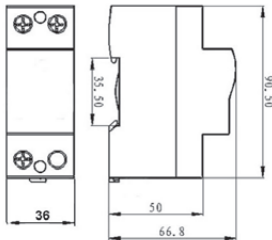
- ✖ T1 + 2 SPD với Encapsulated Spark Gap công nghệ (ESG) để đảm bảo độ tin cậy trong môi trường khắc nghiệt và vị trí tiếp xúc cao
- ✖ sét cao công suất xả hiện nay lên đến t_{imp} 100kA 10/350
- ✖ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ✖ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2



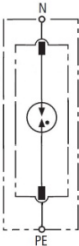
Mô hình		G100 / 255NPE	G50 / 255NPE	G25 / 255NPE
tuân		EN / IEC 61.643-11		
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2		
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	255V		
Công nghệ		công nghệ ESG		
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE		
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	t _{imp}	100kA	50kA	25kA
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{1s}	100kA	50kA	25kA
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{max}	200kA	150kA	100kA
Điện áp cấp độ bảo vệ (1,2 / 50μs)	U _p	≤ 1.5kV		
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{tov}	1200V / 200ms		
hiện tại còn lại	t _{1PE}	Không		
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	t _{1s}	200A @ 255Vac		
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns		
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m		
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² / đa sợi 25mm ²		
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3		
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0		
Mức độ bảo vệ		IP20		
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880		
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE		

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 13 cho prewired kết hợp đa cực.

?? **Vẽ Dimension**

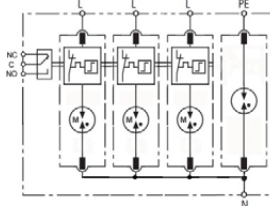
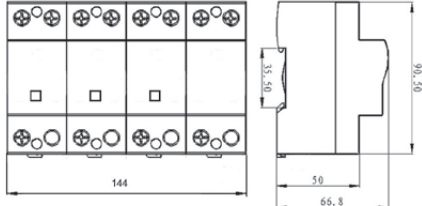
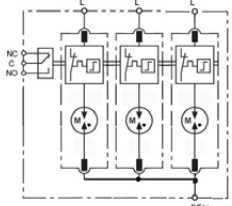
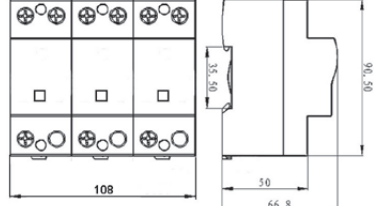
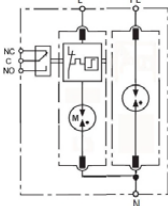
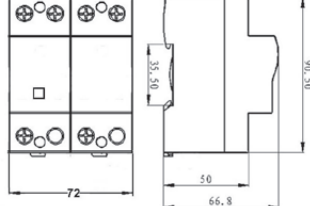
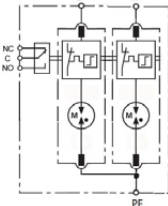
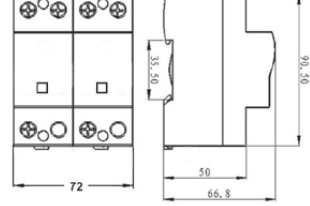


?? **Basic Circuit Diagram**



Prewired Multi-cực SPD

Part No.	Cây sao	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Max. Điện áp hoạt động U_c	Sét Impulse hiện tại (10 / 350 μ s) tôi imp	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giản đồ
G50 / 150-S / 2P	2	2 x G50 / 150-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	150Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	4
G50 / 175-S / 2P	2	2 x G50 / 175-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	175Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	4
G50 / 275-S / 2P	2	2 x G50 / 275-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	275Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	4
G50 / 320-S / 2P	2	2 x G50 / 320-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	320Vac	50kA	L / NG: 1.6kV	4
G50 / 385-S / 2P	2	2 x G50 / 385-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	385Vac	50kA	L / NG: 1.8kV	4
G50 / 420-S / 2P	2	2 x G50 / 420-S	giao đoạn duy nhất 2W + G	420Vac	50kA	L / NG: 2.0kV	4
G50 / 150-S / PN50	2	G50 / 150-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	150Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 175-S / PN50	2	G50 / 175-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	175Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 275-S / PN50	2	G50 / 275-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	275Vac	50kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 320-S / PN50	2	G50 / 320-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	320Vac	50kA	LN: 1.6kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 385-S / PN50	2	G50 / 385-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	385Vac	50kA	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 420-S / PN50	2	G50 / 420-S + G50 / 255NPE	giao đoạn duy nhất 2W + G	420Vac	50kA	LN: 2.0kV, N-PE: 1.5kV	3
G50 / 150-S / 3P	3	3 x G50 / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G	150Vac	50kA	LG: 1.2kV	2
G50 / 175-S / 3P	3	3 x G50 / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G	175Vac	50kA	LG: 1.2kV	2
G50 / 275-S / 3P	3	3 x G50 / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G	275Vac	50kA	LG: 1.5kV	2
G50 / 320-S / 3P	3	3 x G50 / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G	320Vac	50kA	LG: 1.6kV	2
G50 / 385-S / 3P	3	3 x G50 / 385-S	Ba giai đoạn 3W + G	385Vac	50kA	LG: 1.8kV	2
G50 / 420-S / 3P	3	3 x G50 / 420-S	Ba giai đoạn 3W + G	420Vac	50kA	LG: 2.0kV	2
G50 / 150-S / 3PN100	4	3 x G50 / 150-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		150Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 1.2kV, NPE: 1.5kV		1
G50 / 175-S / 3PN100	4	3 x G50 / 175-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		175Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 1.2kV, NPE: 1.5kV		1
G50 / 275-S / 3PN100	4	3 x G50 / 275-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		275Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 1.5kV, NPE: 1.5kV		1
G50 / 320-S / 3PN100	4	3 x G50 / 320-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		320Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 1.6kV, NPE: 1.5kV		1
G50 / 385-S / 3PN100	4	3 x G50 / 385-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		385Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 1.8kV, NPE: 1.5kV		1
G50 / 420-S / 3PN100	4	3 x G50 / 420-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G		420Vac	50kA / 100kA (NPE) LN: 2.0kV, NPE: 1.5kV		1

giản đồ	Basic Circuit Diagram	Vẽ Dimension
1) 3 + 1 		
2) 3 + 0 		
3) 1 + 1 		
4) 2 + 0 		

T1

Độc Cực SPD

?? pluggable

?? Công nghệ ESG

T2

G35P / ... -S

T3



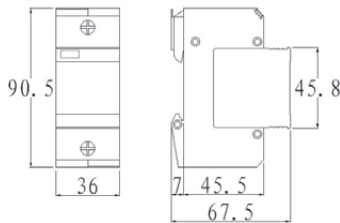
- ❌ T1 + 2 SPD với Encapsulated Spark Gap công nghệ (ESG) để đảm bảo độ tin cậy trong môi trường khắc nghiệt và vị trí tiếp xúc cao
- ❌ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ❌ sét cao công suất xả hiện nay lên đến t_{imp} 35kA 10/350
- ❌ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- ❌ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ❌ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed., IEEE C62.41, CSA C22.2



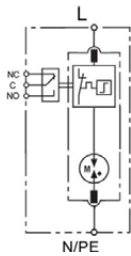
Mô hình		G35P / 150-S	G35P / 175-S	G35P / 275-S	G35P / 320-S	G35P / 385-S	G35P / 420-S
tuân		EN / IEC 61.643-11					
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2					
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V	385V	420V
Công nghệ		công nghệ ESG nhiệt dao cách ly					
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE					
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	t _{imp}	35kA					
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{in}	35kA					
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{im} max	120kA					
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 1.4kV	≤ 1.4kV	≤ 1.8kV	≤ 2.0kV	≤ 2.2kV	≤ 2.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	228V / 120min	228V / 120min	442V / 120min	442V / 120min	529V / 120min	585V / 120min
hiện tại còn lại	t _{off} FE	Không					
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	t _{off} IS	25kA					
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	t _{off} SC	25kA					
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns					
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		315A GL / GG					
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m					
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²					
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3					
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0					
Mức độ bảo vệ		IP20					
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880					
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-					
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng					
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE					
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên							
hệ		Isolated Mẫu C					
Switching Capability U _n / t _{in} max		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A					
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)					

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 16 và 17 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Độc Cực SPD

?? pluggable

?? Công nghệ ESG

T1

T2

T3

G25P / ... -S



☒ T1 + 2 SPD với Encapsulated Spark Gap công nghệ (ESG) để đảm bảo độ tin cậy trong môi trường khắc nghiệt và vị trí tiếp xúc cao

☒ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế

☒ sét cao công suất xả hiện nay lên đến tối imp 25kA 10/350

☒ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.

☒ mức độ bảo vệ điện áp thấp

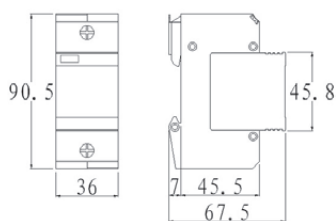
☒ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed, IEEE C62.41, CSA C22.2



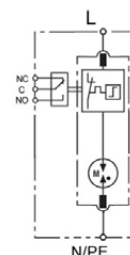
Mô hình		G25P / 150-S	G25P / 175-S	G25P / 275-S	G25P / 320-S	G25P / 385-S	G25P / 420-S
tuân		EN / IEC 61.643-11					
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2					
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V	385V	420V
Công nghệ		công nghệ ESG nhiệt dao cách ly					
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE					
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	tối _{imp}	25kA					
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _n	25kA					
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _{max}	100kA					
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 1.2kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV	≤ 1.6kV	≤ 1.8kV	≤ 2.0kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	228V / 120min	228V / 120min	442V / 120min	442V / 120min	529V / 120min	585V / 120min
hiện tại còn lại	tối _{PE}	Không					
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	tối _s	25kA					
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tối _{sc}	25kA					
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns					
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		250A GL / GG					
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m					
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²					
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3					
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0					
Mức độ bảo vệ		IP20					
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880					
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-					
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng					
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE					
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên							
hệ		Isolated Mẫu C					
Switching Capability U _n / tối _n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A					
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)					

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 16 và 17 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

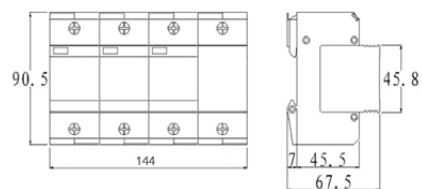
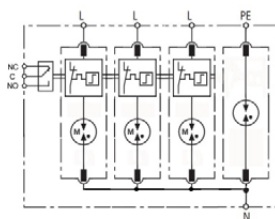
Part No.	Cây sao	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Max. Điện áp hoạt động U _e	Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs) tối imp	Điện áp cấp độ bảo vệ U _p	giản đồ
G35P / 150-S / 2P	2	2 x G35P / 150-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		35kA	L / NG: 1.4kV	4
G35P / 175-S / 2P	2	2 x G35P / 175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		35kA	L / NG: 1.4kV	4
G35P / 275-S / 2P	2	2 x G35P / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		35kA	L / NG: 1.8kV	4
G35P / 320-S / 2P	2	2 x G35P / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		35kA	L / NG: 2.0kV	4
G35P / 385-S / 2P	2	2 x G35P / 385-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		35kA	L / NG: 2.2kV	4
G35P / 420-S / 2P	2	2 x G35P / 420-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 420Vac		35kA	L / NG: 2.5kV	4
G35P / 150-S / PN50	2	G35P / 150-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 175-S / PN50	2	G35P / 175-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 275-S / PN50	2	G35P / 275-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 320-S / PN50	2	G35P / 320-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 2.0kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 385-S / PN50	2	G35P / 385-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 2.2kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 420-S / PN50	2	G35P / 420-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 420Vac		35kA / 50kA (NPE)	LN: 2.5kV, N-PE: 1.5kV	3
G35P / 150-S / 3P	3	3 x G35P / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		35kA	LG: 1.4kV	2
G35P / 175-S / 3P	3	3 x G35P / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		35kA	LG: 1.4kV	2
G35P / 275-S / 3P	3	3 x G35P / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		35kA	LG: 1.8kV	2
G35P / 320-S / 3P	3	3 x G35P / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		35kA	LG: 2.0kV	2
G35P / 385-S / 3P	3	3 x G35P / 385-S	Ba giai đoạn 3W + G 385Vac		35kA	LG: 2.2kV	2
G35P / 420-S / 3P	3	3 x G35P / 420-S	Ba giai đoạn 3W + G 420Vac		35kA	LG: 2.5kV	2
G35P / 150-S / 3PN100	4	3 x G35P / 150-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 150Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 1.4kV, NPE: 1.5kV				1
G35P / 175-S / 3PN100	4	3 x G35P / 175-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 175Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 1.4kV, NPE: 1.5kV				1
G35P / 275-S / 3PN100	4	3 x G35P / 275-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 275Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 1.8kV, NPE: 1.5kV				1
G35P / 320-S / 3PN100	4	3 x G35P / 320-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 320Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 2.0kV, NPE: 1.5kV				1
G35P / 385-S / 3PN100	4	3 x G35P / 385-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 385Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 2.2kV, NPE: 1.5kV				1
G35P / 420-S / 3PN100	4	3 x G35P / 420-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 420Vac 35kA / 100kA (NPE) LN: 2.5kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 150-S / 2P	2	2 x G25P / 150-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA	L / NG: 1.2kV	4
G25P / 175-S / 2P	2	2 x G25P / 175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA	L / NG: 1.2kV	4
G25P / 275-S / 2P	2	2 x G25P / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA	L / NG: 1.5kV	4
G25P / 320-S / 2P	2	2 x G25P / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA	L / NG: 1.6kV	4
G25P / 385-S / 2P	2	2 x G25P / 385-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		25kA	L / NG: 1.8kV	4
G25P / 420-S / 2P	2	2 x G25P / 420-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 420Vac		25kA	L / NG: 2.0kV	4
G25P / 150-S / PN50	2	G25P / 150-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 175-S / PN50	2	G25P / 175-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 275-S / PN50	2	G25P / 275-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 320-S / PN50	2	G25P / 320-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.6kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 385-S / PN50	2	G25P / 385-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 420-S / PN50	2	G25P / 420-S + G50P / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 420Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 2.0kV, N-PE: 1.5kV	3
G25P / 150-S / 3P	3	3 x G25P / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		25kA	LG: 1.2kV	2
G25P / 175-S / 3P	3	3 x G25P / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		25kA	LG: 1.2kV	2
G25P / 275-S / 3P	3	3 x G25P / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		25kA	LG: 1.5kV	2
G25P / 320-S / 3P	3	3 x G25P / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		25kA	LG: 1.6kV	2
G25P / 385-S / 3P	3	3 x G25P / 385-S	Ba giai đoạn 3W + G 385Vac		25kA	LG: 1.8kV	2
G25P / 420-S / 3P	3	3 x G25P / 420-S	Ba giai đoạn 3W + G 420Vac		25kA	LG: 2.0kV	2
G25P / 150-S / 3PN100	4	3 x G25P / 150-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 150Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 1.2kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 175-S / 3PN100	4	3 x G25P / 175-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 175Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 1.2kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 275-S / 3PN100	4	3 x G25P / 275-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 275Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 1.5kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 320-S / 3PN100	4	3 x G25P / 320-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 320Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 1.6kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 385-S / 3PN100	4	3 x G25P / 385-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 385Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 1.8kV, NPE: 1.5kV				1
G25P / 420-S / 3PN100	4	3 x G25P / 420-S + G100P / 255NPE Ba giai đoạn	4W + G 420Vac 25kA / 100kA (NPE) LN: 2.0kV, NPE: 1.5kV				1

giản đồ

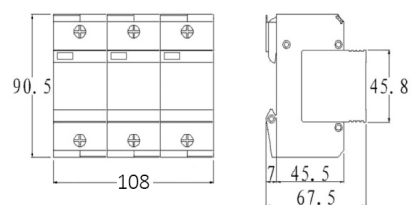
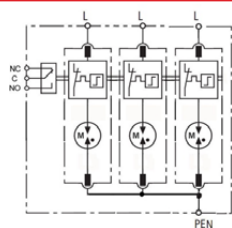
Basic Circuit Diagram

Vẽ Dimension

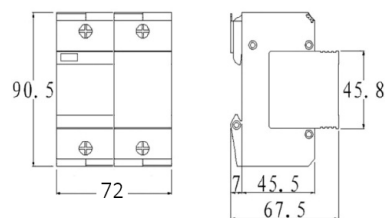
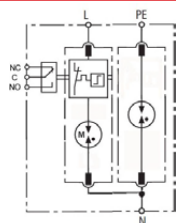
1) 3 + 1



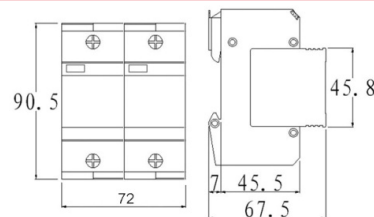
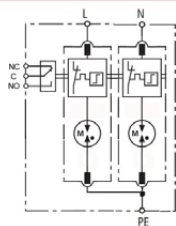
2) 3 + 0



3) 1 + 1



4) 2 + 0



T1

Độc Cực SPD

?? MOV Công nghệ

T2

B25V / ... -S

T3

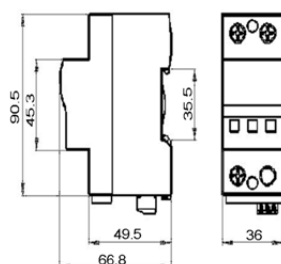


- ❌ Non-pluggable T1 + 2 SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- ❌ sét cao công suất xả hiện nay lên đến tới imp 25kA 10/350
- ❌ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ❌ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ❌ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th IEEE C62.41, CSA C22.2

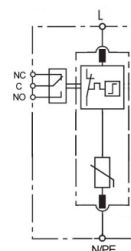


Mô hình		B25V / 150-S	B25V / 175-S	B25V / 275-S	B25V / 320-S
tuân		EN / IEC 61.643-11			
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V
Công nghệ		Công nghệ MOV năng lượng cao đao cách ly nhiệt			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE			
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	I _{imp}	25kA			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{in}	25kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{inmax}	120kA			
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 0.8kV	≤ 0.8kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{tov}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s
hiện tại còn lại	I _{res}	<0.1mA			
Làm theo hiện tại	I _{tr}	Không			
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	I _{sc}	25kA			
Thời gian đáp ứng	t _{act}	≤ 25ns			
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		315A GL / GG			
môi trường		Nhiệt độ: -40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chi định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U _n / I _{in}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)			

?? Vě Dimension



?? Basic Circuit Diagram



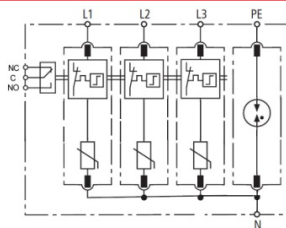
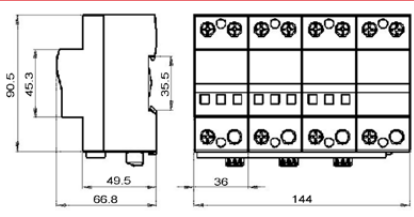
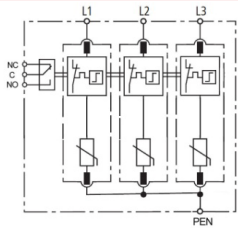
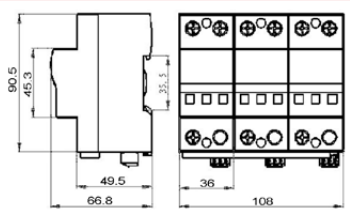
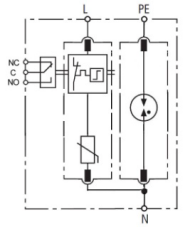
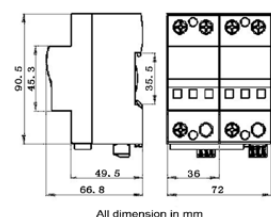
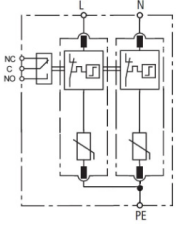
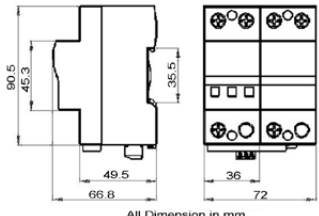
Prewired Multi-cực SPD

T1

T2

T3

Part No.	Cây sáo	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Max. Điện áp hoạt động U _c	Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs) tối imp	Điện áp cấp độ bảo vệ U _p	giản đồ
B25V / 150-S / 2P	2	2 x B25V / 150-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA	L / NG: 1.0kV	4
B25V / 175-S / 2P	2	2 x B25V / 175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA	L / NG: 1.0kV	4
B25V / 275-S / 2P	2	2 x B25V / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA	L / NG: 1.4kV	4
B25V / 320-S / 2P	2	2 x B25V / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA	L / NG: 1.5kV	4
B25V / 150-S / PN50	2	B25V / 150-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.0kV, N-PE: 1.5kV	3
B25V / 175-S / PN50	2	B25V / 175-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.0kV, N-PE: 1.5kV	3
B25V / 275-S / PN50	2	B25V / 275-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	3
B25V / 320-S / PN50	2	B25V / 320-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
B25V / 150-S / 3P	3	3 x B25V / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		25kA	LG: 1.0kV	2
B25V / 175-S / 3P	3	3 x B25V / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		25kA	LG: 1.0kV	2
B25V / 275-S / 3P	3	3 x B25V / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		25kA	LG: 1.4kV	2
B25V / 320-S / 3P	3	3 x B25V / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		25kA	LG: 1.5kV	2
B25V / 150-S / 3PN100	4	3 x B25V / 150-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 150Vac			25kA / 100kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV		1
B25V / 175-S / 3PN100	4	3 x B25V / 175-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 175Vac			25kA / 100kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV		1
B25V / 275-S / 3PN100	4	3 x B25V / 275-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 275Vac			25kA / 100kA (NPE) LN: 1.4kV, NPE: 1.5kV		1
B25V / 320-S / 3PN100	4	3 x B25V / 320-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 320Vac			25kA / 100kA (NPE) LN: 1.5kV, NPE: 1.5kV		1

giản đồ	Basic Circuit Diagram	Vẽ Dimension
1) 3 + 1 		 All Dimension in mm
2) 3 + 0 		 All Dimension in mm
3) 1 + 1 		 All dimension in mm
4) 2 + 0 		 All Dimension in mm

T1

Độc Cực SPD

?? Công nghệ VT

B25VT / ... -S

T2

T3

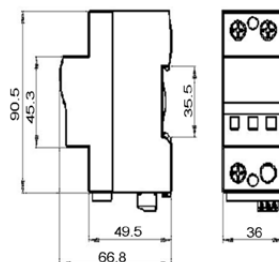


- ✗ T1 + 2 + 3 SPD với công nghệ VT để loại bỏ dòng rò & theo hiện hành.
- ✗ sét cao công suất xả hiện nay lên đến tới I_{imp} 25kA
- ✗ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ✗ độ tin cậy và độ bền & TOV (tạm over-voltage) chịu được hiệu suất tốt hơn
- ✗ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ✗ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed. IEEE C62.41, CSA C22.2

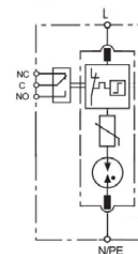


Mô hình		B25VT / 150-S	B25VT / 175-S	B25VT / 275-S	B25VT / 320-S	B25VT / 385-S
tuần		EN / IEC 61.643-11				
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II + III / T1 + 2 + 3				
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V	385V
Công nghệ		công nghệ VT nhiệt dao cách ly				
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE				
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	I _{imp}	25kA				
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _n	25kA				
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{max}	120kA				
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 0.8kV	≤ 0.8kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{tov}	228V / 120min	228V / 120min	442V / 120min	442V / 120min	580V / 120min
hiện tại còn lại	I _{PE}	Không				
Làm theo hiện tại	I _{ti}	Không				
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	I _{sc}	25kA				
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns				
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		315A GL / GG				
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m				
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²				
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3				
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0				
Mức độ bảo vệ		IP20				
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880				
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-				
Từ xa bảo động Liên hệ		Vắng				
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE				
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên						
hệ		Isolated Mẫu C				
Switching Capability U _n / I _n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A				
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)				

?? Vẽ Dimension

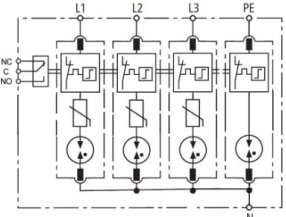
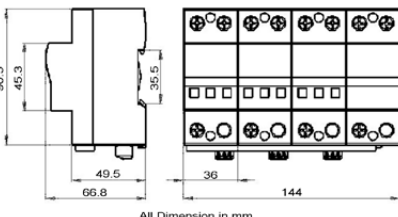
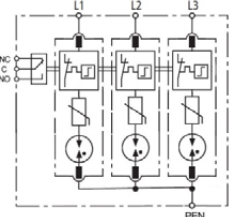
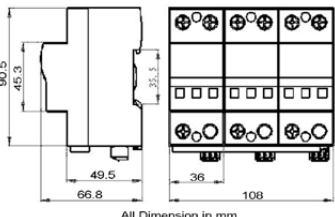
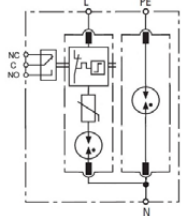
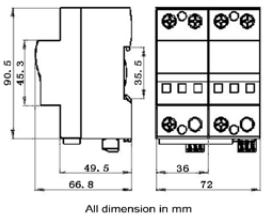
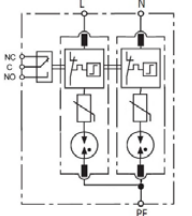
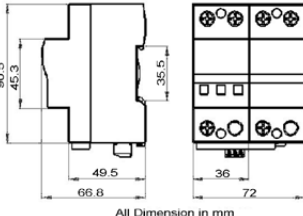


?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

Part No.	Cây sào	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Ma x. Điện áp hoạt động U_c	Sét Impulse hiện tại (10 / 350 μ s) $I_{tôi imp}$	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giản đồ
B25VT / 150-S / 2P	2	2 x B25VT / 250-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA	L / NG: 0.8kV	4
B25VT / 175-S / 2P	2	2 x B25VT175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA	L / NG: 0.8kV	4
B25VT / 275-S / 2P	2	2 x B25VT / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA	L / NG: 1.0kV	4
B25VT / 320-S / 2P	2	2 x B25VT / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA	L / NG: 1.2kV	4
B25VT / 385-S // 2P	2	2 x B25VT / 385-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		25kA	L / NG: 1.5kV	4
B25VT / 150-S / PN50	2	B25VT / 150-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	3
B25VT / 175-S / PN50	2	B25VT / 175-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	3
B25VT / 275-S / PN50	2	B25V / T275-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.0kV, N-PE: 1.5kV	3
B25VT / 320-S / PN50	2	B25VT / 320-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	3
B25VT / 385-S / PN50	2	B25VT / 385-S + G50 / 255NPE	giai đoạn duy nhất 2W + G 385Vac		25kA / 50kA (NPE)	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
B25VT / 150-S / 3P	3	3 x B25VT / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		25kA	LG: 0.8kV	2
B25VT / 175-S / 3P	3	3 x B25VT / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		25kA	LG: 0.8kV	2
B25VT / 275-S / 3P	3	3 x B25VT / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		25kA	LG: 1.0kV	2
B25VT / 320-S / 3P	3	3 x B25VT / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		25kA	LG: 1.2kV	2
B25VT / 385-S / 3P	3	3 x B25VT / 385-S	Ba giai đoạn 3W + G 385Vac		25kA	LG: 1.5kV	2
B25VT / 150-S / 3PN100	4	3 x B25VT / 150-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 150Vac 25kA / 100kA (NPE)				LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	1
B25VT / 175-S / 3PN100	4	3 x B25VT / 175-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 175Vac 25kA / 100kA (NPE)				LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	1
B25VT / 275-S / 3PN100	4	3 x B25VT / 275-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 275Vac 25kA / 100kA (NPE)				LN: 1.0kV, N-PE: 1.5kV	1
B25VT / 320-S / 3PN100	4	3 x B25VT / 320-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 320Vac 25kA / 100kA (NPE)				LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	1
B25VT / 385-S / 3PN100	4	3 x B25VT / 385-S + G100 / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 385Vac 25kA / 100kA (NPE)				LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	1

giản đồ	sơ đồ cơ bản Circuit	Vẽ Dimension
1) 3 + 1 		 All Dimension in mm
2) 3 + 0 		 All Dimension in mm
3) 1 + 1 		 All dimension in mm
4) 2 + 0 		 All Dimension in mm

T1

Độc Cực SPD

?? MOV Công nghệ ?? 18mm

T2

BPS12.5V / ... -S

T3

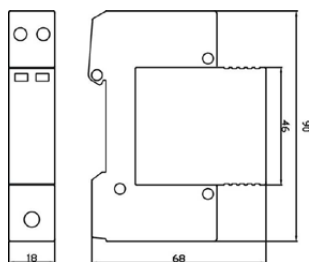


- ✖ Nhỏ gọn T1 + 2 SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- ✖ 18mm thiết kế hẹp, mô-đun pluggable để dễ dàng thay thế.
- ✖ sét cao công suất xả hiện nay lên đến tối imp 12.5kA 10/350
- ✖ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ✖ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ✖ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4 max, IEEE C62.41, CSA C22.2

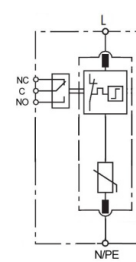


Mô hình		BPS12.5V / 150-S	BPS12.5V / 175-S	BPS12.5V / 275-S	BPS12.5V / 320-S
tuân		EN / IEC 61.643-11			
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V
Công nghệ		Công nghệ MOV năng lượng cao đao cách ly nhiệt			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE			
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	tối _{imp}	12.5kA			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _n	25kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _{max}	80kA			
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.3kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{TOV}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s
hiện tại còn lại	tối _{PE}	<0.1mA			
Làm theo hiện tại	tối _r	Không			
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tối _{sc}	10kA			
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 25ns			
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		200A GL / GG			
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35 mm 2: đa sợi 25mm 2			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U _n / tối _n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm 2 (hoặc # 16AWG)			

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

T1

T2

T3

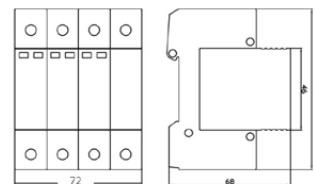
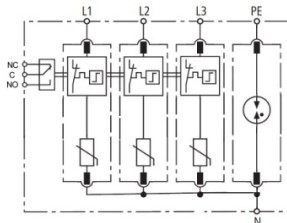
Part No.	Cây số	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Max. Điện áp hoạt động U _c	Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs) tôi imp	Điện áp cấp độ bảo vệ U _p	giản đồ
BPS12.5V / 150-S / 2P	2	2 x BPS12.5V / 150-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		12.5kA	L / NG: 1.0kV	4
BPS12.5V / 175-S / 2P	2	2 x BPS12.5V / 175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		12.5kA	L / NG: 1.0kV	4
BPS12.5V / 275-S / 2P	2	2 x BPS12.5V / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		12.5kA	L / NG: 1.4kV	4
BPS12.5V / 320-S / 2P	2	2 x BPS12.5V / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		12.5kA	L / NG: 1.5kV	4
BPS12.5V / 150-S / PN25	2	BPS12.5V / 150-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 150Vac 12.5kA / 25kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV					3
BPS12.5V / 175-S / PN25	2	BPS12.5V / 175-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 175Vac 12.5kA / 25kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV					3
BPS12.5V / 275-S / PN25	2	BPS12.5V / 275-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 275Vac 12.5kA / 25kA (NPE) LN: 1.4kV, NPE: 1.5kV					3
BPS12.5V / 320-S / PN25	2	BPS12.5V / 320-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 320Vac 12.5kA / 25kA (NPE) LN: 1.5kV, NPE: 1.5kV					3
BPS12.5V / 150-S / 3P	3	3 x BPS12.5V / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		12.5kA	LG: 1.0kV	2
BPS12.5V / 175-S / 3P	3	3 x BPS12.5V / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		12.5kA	LG: 1.0kV	2
BPS12.5V / 275-S / 3P	3	3 x BPS12.5V / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		12.5kA	LG: 1.4kV	2
BPS12.5V / 320-S / 3P	3	3 x BPS12.5V / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		12.5kA	LG: 1.5kV	2
BPS12.5V / 150-S / 3PN50	4	3 x BPS12.5V / 150-S + G50PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 150Vac 12.5kA / 50kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV					1
BPS12.5V / 175-S / 3PN50	4	3 x BPS12.5V / 175-S + G50PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 175Vac 12.5kA / 50kA (NPE) LN: 1.0kV, NPE: 1.5kV					1
BPS12.5V / 275-S / 3PN50	4	3 x BPS12.5V / 275-S + G50PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 275Vac 12.5kA / 50kA (NPE) LN: 1.4kV, NPE: 1.5kV					1
BPS12.5V / 320-S / 3PN50	4	3 x BPS12.5V / 320-S + G50PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 320Vac 12.5kA / 50kA (NPE) LN: 1.5kV, NPE: 1.5kV					1

giản đồ

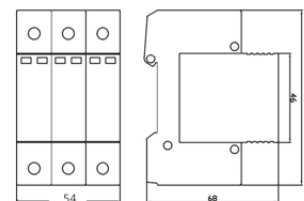
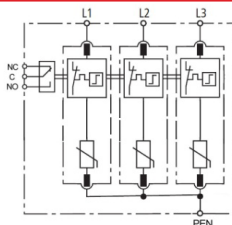
Basic Circuit Diagram

Vẽ Dimension

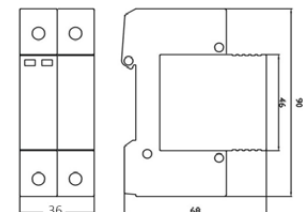
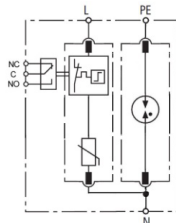
1) 3 + 1



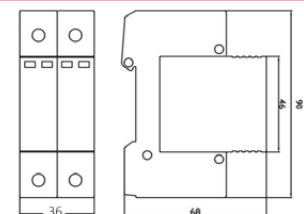
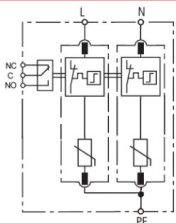
2) 3 + 0



3) 1 + 1



4) 2 + 0



T1

Độc Cực SPD

?? 18mm

?? MOV Công nghệ

T2

BPS7V / ... -S

T3

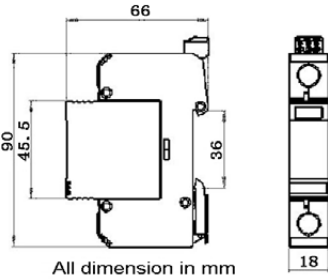


- ✂ Nhỏ gọn T1 + 2 SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- ✂ 18mm thiết kế hẹp, mô-đun pluggable để dễ dàng thay thế.
- ✂ sét cao công suất xả hiện nay lên đến $t_{oi\ imp}$ 7kA 10/350
- ✂ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ✂ mức độ bảo vệ điện áp thấp
- ✂ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed. IEEE C62.41, CSA C22.2

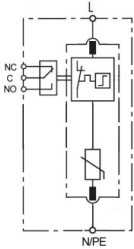


Mô hình		BPS7V / 150-S	BPS7V / 175-S	BPS7V / 275-S	BPS7V / 320-S
tuân		EN / IEC 61.643-11			
Thể loại IEC / EN		Lớp I + II / T1 + 2			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	175V	275V	320V
Công nghệ		Công nghệ MOV năng lượng cao dao cách ly nhiệt			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE			
Sét Impulse hiện tại (10 / 350μs)	t _{oi imp}	7kA			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{oi n}	25kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{oi max}	60kA			
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 0.7kV	≤ 0.7kV	≤ 1.3kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s
hiện tại còn lại	t _{oi re}	<0.1mA			
Làm theo hiện tại	t _{oi r}	Không			
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	t _{oi sc}	10kA			
Thời gian đáp ứng	t _{mep}	≤ 25ns			
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		160A GL / GG			
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35 mm ² : đa sợi 25mm ²			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U _n / t _{oi n}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)			

?? Vẽ Dimension

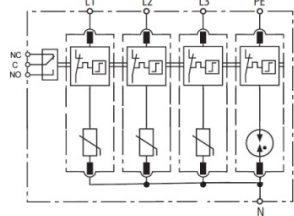
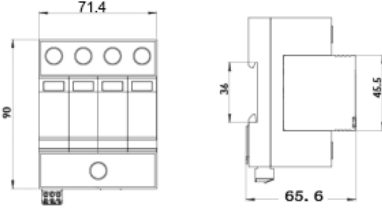
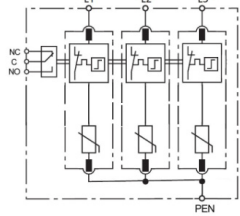
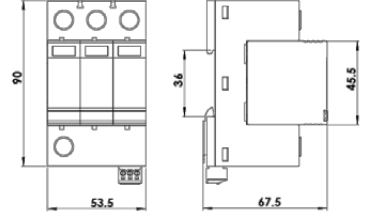
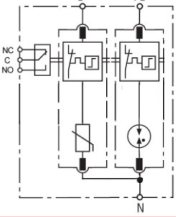
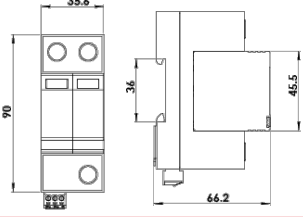
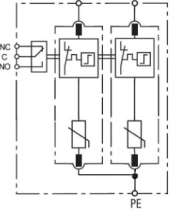
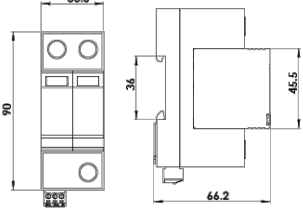


?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

	Cây số	Sự phối hợp	Hệ thống năng lượng	Max. Điện áp hoạt động U_c	Sét Impulse hiện tại (10 / 350 μ s) tôi imp	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giản đồ
BPS7V / 150-S / 2P	2	2 x BPS7V / 150-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 150Vac		7kA	L / NG: 0.7kV	4
BPS7V / 175-S / 2P	2	2 x BPS7V / 175-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 175Vac		7kA	L / NG: 0.7kV	4
BPS7V / 275-S / 2P	2	2 x BPS7V / 275-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 275Vac		7kA	L / NG: 1.3kV	4
BPS7V / 320-S / 2P	2	2 x BPS7V / 320-S	giai đoạn duy nhất 2W + G 320Vac		7kA	L / NG: 1.5kV	4
BPS7V / 150-S / PN25	2	BPS7V / 150-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 150Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 0.7kV, N-PE: 1.5kV	3
BPS7V / 175-S / PN25	2	BPS7V / 175-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 175Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 0.7kV, N-PE: 1.5kV	3
BPS7V / 275-S / PN25	2	BPS7V / 275-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 275Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 1.3kV, N-PE: 1.5kV	3
BPS7V / 320-S / PN25	2	BPS7V / 320-S + G25PS / 255NPE giai đoạn Độc 2W + G 320Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
BPS7V / 150-S / 3P	3	3 x BPS7V / 150-S	Ba giai đoạn 3W + G 150Vac		7kA	LG: 0.7kV	2
BPS7V / 175-S / 3P	3	3 x BPS7V / 175-S	Ba giai đoạn 3W + G 175Vac		7kA	LG: 0.7kV	2
BPS7V / 275-S / 3P	3	3 x BPS7V / 275-S	Ba giai đoạn 3W + G 275Vac		7kA	LG: 1.3kV	2
BPS7V / 320-S / 3P	3	3 x BPS7V / 320-S	Ba giai đoạn 3W + G 320Vac		7kA	LG: 1.5kV	2
BPS7V / 150-S / 3PN25	4	3 x BPS7V / 150-S + G25PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 150Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 0.7kV, N-PE: 1.5kV	1
BPS7V / 175-S / 3PN25	4	3 x BPS7V / 175-S + G25PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 175Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 0.7kV, N-PE: 1.5kV	1
BPS7V / 275-S / 3PN25	4	3 x BPS7V / 275-S + G25PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 275Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 1.3kV, N-PE: 1.5kV	1
BPS7V / 320-S / 3PN25	4	3 x BPS7V / 320-S + G25PS / 255NPE Ba giai đoạn 4W + G 320Vac			7kA / 25kA (NPE)	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	1

giản đồ	Basic Circuit Diagram	Vẽ Dimension
1) 3 + 1 		
2) 3 + 0 		
3) 1 + 1 		
4) 2 + 0 		

T1

Độc Cực SPD

?? TPPE bằng sáng chế

SP ... -S



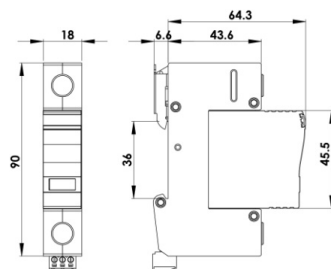
- ❗ KEMA T2 chứng SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- ❗ độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với đặc biệt hồ quang dập tắt thiết bị (công nghệ TPPE).
- ❗ tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 40kA 8/20
- ❗ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ❗ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- ❗ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th IEEE C62.41, CSA C22.2



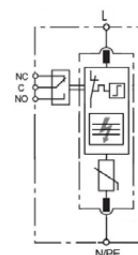
Mô hình		SP150-S	SP275-S	SP320-S	SP385-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th			
Thể loại IEC / EN / UL		Class II / T2 / Loại 1ca			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	150V / 200V	275V / 350V	320V / 420V	385V / 505V
Công nghệ		Cao công nghệ năng lượng MOV nghệ TPAE (bằng sáng chế)			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tn}	20kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tm}	40kA			
Bảo vệ điện áp 6kV Đánh giá / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Bảo vệ điện áp Cấp @I_n IEC61643	U _p	≤ 0.8kV	≤ 1.4kV	≤ 1.5kV	≤ 1.8kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{tov}	174V / 5s	337V / 5s	337V / 5s	403V / 5s
hiện tại còn lại	I _{le}	<0.1mA			
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	I _{scur}	200kArms			
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	I _{sc}	10kArms			
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 25ns			
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		125A GL / GG			
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm²; đa sợi 25mm²			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa bảo động Liên hệ		Vàng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		KEMA, CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U_n / I_{tn}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm² (hoặc # 16AWG)			

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 29 và 30 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Độc Cực SPD

?? TPAE bằng sáng chế? Công nghệ VT

SP ... VT-S



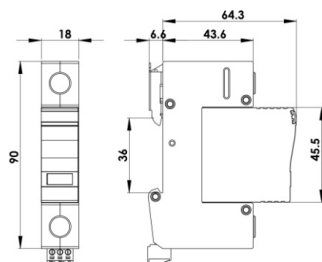
- % KEMA chứng nhận T2 SPD với công nghệ VT để loại bỏ dòng rò & theo hiện tại
- % tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 40kA 8 / 20μs
- % Cấp bằng sáng chế nhiệt dao cách ly / hồ quang dập tắt (TPAE) công nghệ bên trong
- % mô-đun plugable để dễ dàng thay thế
- % độ tin cậy và độ bền & TOV (tạm over-voltage) chịu được hiệu suất tốt hơn
- % dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- % mức độ bảo vệ điện áp thấp
- % Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed., IEEE C62.41, CSA C22.2



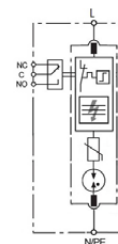
Mô hình		SP275VT-S	SP320VT-S
tuần		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 thứ	
Thể loại IEC / EN / UL		Class II / T2 / Loại 1ca	
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	275V / 350V	320V / 420V
Công nghệ		VT công nghệ công nghệ TPAE (bằng sáng chế)	
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE	
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{8/20}	20kA	
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	t _{8/20 max}	40kA	
Bảo vệ điện áp Cấp @I_n IEC61643	U _p	≤ 1.4kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	442V / 120min	442V / 120min
hiện tại còn lại	t ₁₀₀ PE	Không	
Làm theo hiện tại	t ₁₀ I	Không	
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	t ₁₀₀ SC	10kA _{Arms}	
Thời gian đáp ứng	t _{max} UAP	≤ 25ns	
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		125A GL / GG	
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m	
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm²; đa sợi 25mm²	
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3	
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0	
Mức độ bảo vệ		IP20	
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880	
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-	
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng	
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		KEMA, CE	
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên			
hệ		Isolated Mẫu C	
Switching Capability U_n / t₁₀		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A	
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm² (hoặc # 16AWG)	

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 29 và 30 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Độc Cực SPD

?? N-PE

SP ... T-S



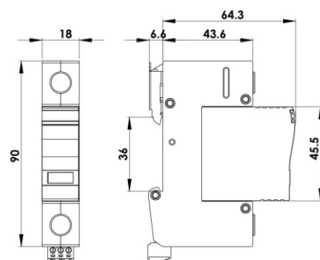
- ☒ KEMA chứng SPD Class II để bảo vệ NPE
- ☒ độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với đặc biệt hồ quang dập tắt thiết bị (công nghệ TPAGE)
- ☒ tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 40kA 8 / 20μs
- ☒ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ☒ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ☒ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4 và IEEE C62.41, CSA C22.2



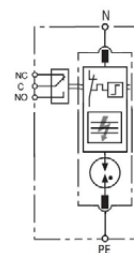
Mô hình		SP255T-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 thứ
Thể loại IEC / EN / UL		Class II / T2 / Loại 1ca
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	255V
Công nghệ		GDT công nghệ công nghệ TPAGE (bằng sáng chế)
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tới n	20kA
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tới max	50kA
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.9kV
Voltage Protection Cấp @ 1.2 / 50μs IEC61643	U _p	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{TOV}	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	tới PE	Không
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	tới s	100A @ 255Vac
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns
môi trường		Nhiệt độ: -40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² đa sợi 25mm ²
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3
Vật liệu bao vây		nhật dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0
Mức độ bảo vệ		IP20
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		KEMA, CE
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên		
hệ		Isolated Mẫu C
Switching Capability U _n / tới n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 29 và 30 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

T1

T2

T3

Part No.	Cây sào	Hệ thống năng lượng	Điện áp danh định (giai đoạn điện áp) U_n	Max. Điều hành Vôn U_c	Max. Xả hiện tại (8 / 20 μ s) I_{tmax}	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giản đồ
SP150 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	40kA	L / NG: 0.8kV	5
SP275 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	L / NG: 1.4kV	5
SP320 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	40kA	L / NG: 1.5kV	5
SP385 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	40kA	L / NG: 1.8kV	5
SP275VT / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	L / NG: 1.4kV	5
SP320VT / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	40kA	L / NG: 1.5kV	5
SP150 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	40kA	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	4
SP275 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	4
SP320 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	40kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	4
SP385 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	40kA	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	4
SP275VT / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	4
SP320VT / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	40kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	4
SP150 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	40kA	LG: 0.8kV	3
SP275 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LG: 1.4kV	3
SP320 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240VAC	320Vac	40kA	LG: 1.5kV	3
SP385 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	40kA	LG: 1.8kV	3
SP275VT / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LG: 1.4kV	3
SP320VT / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240VAC	320Vac	40kA	LG: 1.5kV	3
SP150 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	40kA	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	2
SP275 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	2
SP320 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240VAC	320Vac	40kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	2
SP385 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	40kA	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	2
SP275VT / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	2
SP320VT / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240VAC	320Vac	40kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	2
SP150 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	40kA	L / NG: 0.8kV	1
SP275 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	L / NG: 1.4kV	1
SP320 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240VAC	320Vac	40kA	L / NG: 1.5kV	1
SP385 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	40kA	L / NG: 1.8kV	1
SP275VT / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	40kA	L / NG: 1.4kV	1
SP320VT / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240VAC	320Vac	40kA	L / NG: 1.5kV	1

T1

T2

T3

giản đồ	Basic Circuit Diagram (MOV / công nghệ GDT)	Basic Circuit Diagram (Công nghệ VT)	Vẽ Dimension	
1) 4 + 0				
2) 3 + 1				
3) 3 + 0				
4) 1 + 1				
5) 2 + 0				

Độc Cực SPD

?? tích hợp Fuse

DT25 / ... -4VF-S

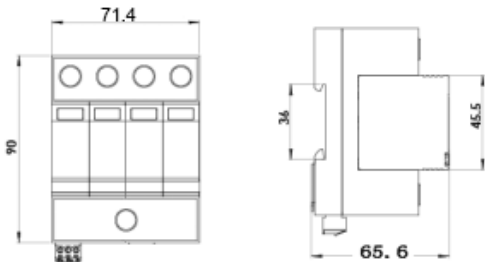


- % T2 SPD với built-in lỗi bảo vệ hiện tại
- % độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với đặc biệt hồ quang dập tắt thiết bị (công nghệ TPAE)
- % Surge công suất xả hiện nay lên đến 25kA 8 / 20µs
- % mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- % chỉ thất bại trên cả hai MOV và cầu chì nội & tùy chọn cho tiếp xúc tín hiệu từ xa
- % 4 + 0 bảo vệ mạch cho TN / hệ thống TT
- % Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2

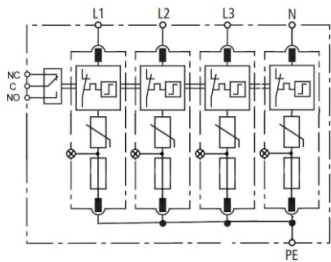


Mô hình		DT25 / 150-4VF-S	DT25 / 275-4VF-S	DT25 / 320-4VF-S	DT25 / 385-4VF-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th			
Thể loại IEC / EN / UL		Class II / T2 / Loại 1ca			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	150V / 200V	275V / 350V	320V / 420V	385V / 505V
Công nghệ		Cao công nghệ năng lượng MOV nghệ TPAE (bằng sáng chế) cầu chì tổng hợp			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE, N-PE			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	I _{ln}	15kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	I _{limax}	25kA			
Bảo vệ điện áp 6kV Đánh giá / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Bảo vệ điện áp Cấp @I _{ln} IEC61643	U _p	≤ 0.8kV	≤ 1.4kV	≤ 1.5kV	≤ 1.8kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	174V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	403V / 5s
hiện tại còn lại	I _{le}	<0.1mA			
Thời gian đáp ứng	t _{sp}	≤ 25ns			
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		Nếu xếp hạng ngắn mạch ≤ 3kA, không cần thiết; Nếu xếp hạng ngắn mạch> 3kA, 63A GL / GG			
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; Độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² ; đa sợi 25mm ²			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		4 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		MOV nội bộ (màu xanh lá cây - bình thường; đỏ - thất bại); Fuse (LED trên mức bình thường, dẫn đầu off-thất bại)			
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U _n / I _{ln}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)			

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



T1

T2

T3

Prewired Multi-cực SPD

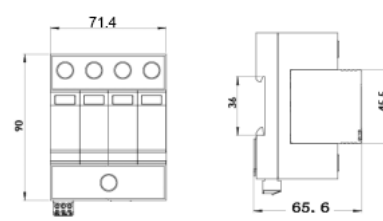
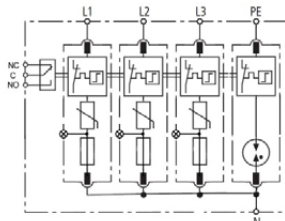
Part No.	Cây số	Hệ thống năng lượng	Điện áp danh định (giai đoạn điện áp) U_n	Max. Điều hành Vôn U_c	Max. Xả hiện tại (8 / 20 μ s) I_{tmax}	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giản đồ
DS25 / 150-2VF-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	25kA	L / NG: 0.8kV	4
DS25 / 275-2VF-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	25kA	L / NG: 1.4kV	4
DS25 / 320-2VF-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	25kA	L / NG: 1.5kV	4
DS25 / 385-2VF-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	25kA	L / NG: 1.8kV	4
DS25 / 150 (VF + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	25kA	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	3
DS25 / 275- (VF + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	25kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	3
DS25 / 320- (VF + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240VAC	320Vac	25kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	3
DS25 / 385- (VF + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	25kA	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	3
DT25 / 150-3VF-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	25kA	LG: 0.8kV	2
DT25 / 275-3VF-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	25kA	LG: 1.4kV	2
DT25 / 320-3VF-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240VAC	320Vac	25kA	LG: 1.5kV	2
DT25 / 385-3VF-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	25kA	LG: 1.8kV	2
DT25 / 150 (3VF + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	25kA	LN: 0.8kV, N-PE: 1.5kV	1
DT25 / 275- (3VF + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	25kA	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	1
DT25 / 320- (3VF + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240VAC	320Vac	25kA	LN: 1.5kV, N-PE: 1.5kV	1
DT25 / 385- (3VF + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	25kA	LN: 1.8kV, N-PE: 1.5kV	1

giản đồ

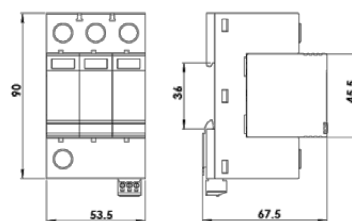
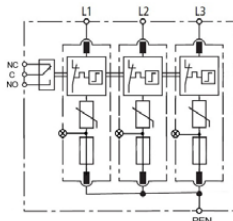
Basic Circuit Diagram

Vẽ Dimension

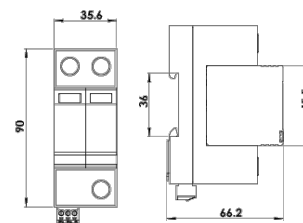
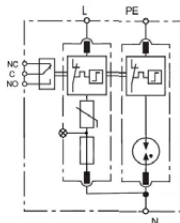
1) 3 + 1



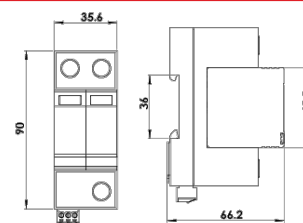
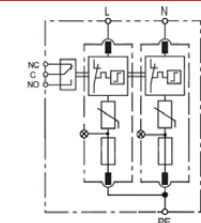
2) 3 + 0



3) 1 + 1



4) 2 + 0



Độc Cực SPD

?? U_∞ 20KV

V20 ... -S



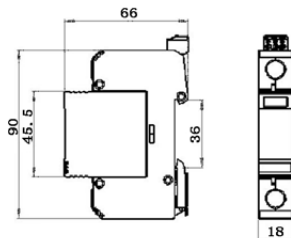
- ¼ T3 SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- ¼ Max xả hiện nay lên đến 20kA 8 / 20μs và mở mạch điện áp U_∞ đến 20KV.
- ¼ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ¼ dao cách ly nhiệt đáng tin cậy để được an toàn không.
- ¼ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- ¼ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th ed. IEEE C62.41, CSA C22.2



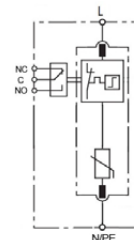
Mô hình		V20 / 75-S V20	150-S V20 / 275-S	V20 / 320-S V20	385-S V20 / 420-S	V20 / 440-S V20	550-S		
tuân		EN / IEC 61.643-11 / UL 1449 4 th ed							
Thế loại IEC / EN / UL		Class III / T3 / Loại 1ca							
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC) U _c		75V / 100V 150V / 200V 275V / 370V 320V / 420V 385V / 500V 420V / 560V 440V / 585V 550V / 710V							
Công nghệ		MOV Công nghệ cách ly nhiệt							
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE							
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối đa	10kA							
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối đa	20kA							
Mở Circuit Voltage (1,2 / 50μs)	U _{oc}	20KV							
Bảo vệ điện áp 6kV Đánh giá / 3kA UL 1449 VPR		≤ 0.4kV	≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.3kV	≤ 1.4kV	≤ 1.8kV
Bảo vệ điện áp Cấp @I _n IEC 61.643-11	U _p	≤ 0.4kV	≤ 0.7kV	≤ 1.2kV	≤ 1.3kV	≤ 1.4kV	≤ 1.6kV	≤ 1.6kV	≤ 2.0kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	92V / 5s	175V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	403V / 5s	504V / 5s	580V / 5s	697V / 5s
hiện tại còn lại	tối đa	<0.1mA							
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tối đa	200kArms							
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tối đa	10kArms							
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 25ns							
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		100A GL / GG							
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m							
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² đa sợi 25mm ²							
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3							
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0							
Mức độ bảo vệ		IP20							
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880							
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-							
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng							
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE							
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên									
hệ		Isolated Mẫu C							
Switching Capability U _n / tối đa		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A							
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)							

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 35 và 36 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



T1

Độc Cực SPD

?? N-PE Mô-đun

?? U_∞ 20KV

T2

T20 ... -S

T3



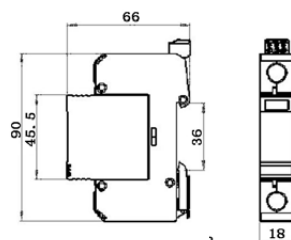
- ✂ T3 SPD để bảo vệ chế độ NPE với công nghệ GDT năng lượng cao
- ✂ Max xả hiện nay lên đến 20kA 8 / 20μs và mở mạch điện áp U_∞ đến 20KV.
- ✂ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ✂ dao cách ly nhiệt đáng tin cậy để được an toàn không.
- ✂ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- ✂ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41



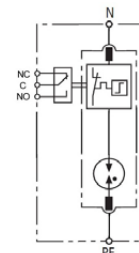
Mô hình		T20 / 150-S	T20 / 255-S
tuần		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th	
Thể loại IEC / EN / UL		Class III / T3 / Loại 1ca	
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U _c	150V	255V
Công nghệ		công nghệ GDT nhiệt dao cách ly	
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE	
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _n	10kA	
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tối _{max}	20kA	
Mở Circuit Voltage (1,2 / 50μs)	U _{oc}	20KV	
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.8kV	≤ 1.0kV
Voltage Protection Cấp @ 1.2 / 50μs IEC 61.643-11	U _p	≤ 0.8kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{toV}	1200V / 200ms	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	tối _{PE}	Không	
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	tối _s	100A @ 255Vac	
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 100ns	
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 85°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m	
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm ² đa sợi 25mm ²	
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3	
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0	
Mức độ bảo vệ		IP20	
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880	
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-	
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng	
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE	
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên			
hệ		Isolated Mẫu C	
Switching Capability U _n / tối _n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A	
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)	

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 35 và 36 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



Prewired Multi-cực SPD

Part No.	Cây sào	Hệ thống năng lượng	Điện áp danh định (giai đoạn điện áp) U_n	Max. Điều hành Vôn U_c	Mở Circuit Voltage (1,2 / 50 μ s) U_{oc}	Điện áp cấp độ bảo vệ U_p	giảm đỡ
DS20 / 75-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	60Vac	75Vac	20KV	L / NG: 0.4kV	5
DS20 / 150-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	20KV	L / NG: 0.7kV	5
DS20 / 275-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	20KV	L / NG: 1.2kV	5
DS20 / 320-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	20KV	L / NG: 1.3kV	5
DS20 / 385-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	20KV	L / NG: 1.4kV	5
DS20 / 440-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	347 ~ 400Vac	440Vac	20KV	L / NG: 1.6kV	5
DS20 / 550-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	480Vac	550Vac	20KV	L / NG: 2.0kV	5
DS20 / 150 (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	20KV	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	4
DS20 / 275- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	20KV	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	4
DS20 / 320- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	20KV	LN: 1.3kV, N-PE: 1.5kV	4
DS20 / 385- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	20KV	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	4
DS20 / 420- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	347Vac	420Vac	20KV	LN: 1.6kV, N-PE: 1.5kV	4
DT20 / 75-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	60Vac	75Vac	20KV	LG: 0.4kV	3
DT20 / 150-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	20KV	LG: 0.7kV	3
DT20 / 275-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	20KV	LG: 1.2kV	3
DT20 / 320-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	20KV	LG: 1.3kV	3
DT20 / 385-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	20KV	LG: 1.4kV	3
DT20 / 440-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	347 ~ 400Vac	440Vac	20KV	LG: 1.6kV	3
DT20 / 550-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	480Vac	550Vac	20KV	LG: 2.0kV	3
DT20 / 150 (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	20KV	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	2
DT20 / 275- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	20KV	LN: 1.2kV, N-PE: 1.5kV	2
DT20 / 320- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	20KV	LN: 1.3kV, N-PE: 1.5kV	2
DT20 / 385- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	20KV	LN: 1.4kV, N-PE: 1.5kV	2
DT20 / 420- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	347Vac	420Vac	20KV	LN: 1.6kV, N-PE: 1.5kV	2
DT20 / 75-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	60Vac	75Vac	20KV	L / NG: 0.4kV	1
DT20 / 150-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	20KV	L / NG: 0.7kV	1
DT20 / 275-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	20KV	L / NG: 1.2kV	1
DT20 / 320-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	20KV	L / NG: 1.3kV	1
DT20 / 385-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	20KV	L / NG: 1.4kV	1
DT20 / 440-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	347 ~ 400Vac	440Vac	20KV	L / NG: 1.6kV	1
DT20 / 550-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	480Vac	550Vac	20KV	L / NG: 2.0kV	1

T1

T2

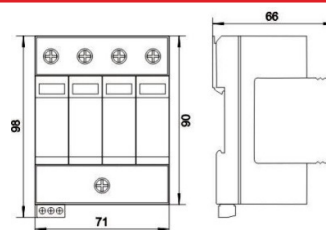
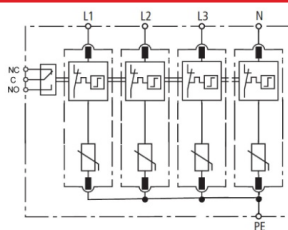
T3

giản đồ

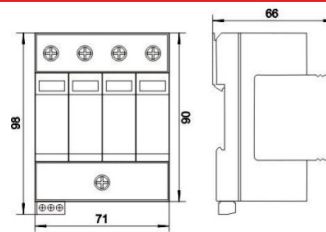
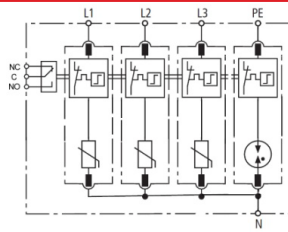
sơ đồ cơ bản Circuit

Vẽ Dimension

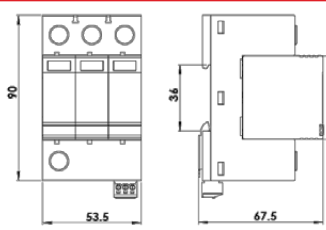
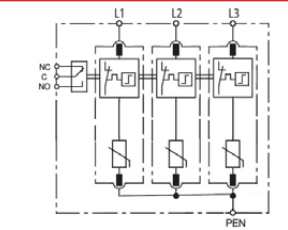
1) 4 + 0



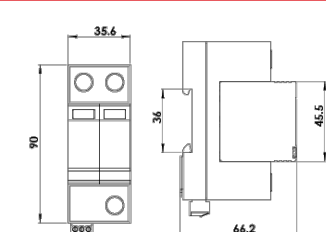
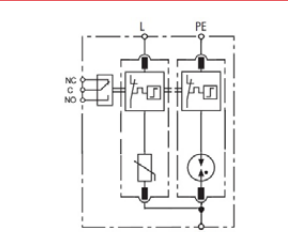
2) 3 + 1



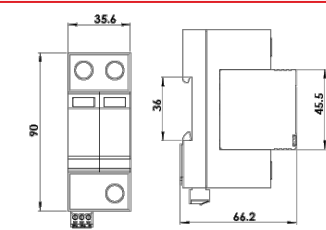
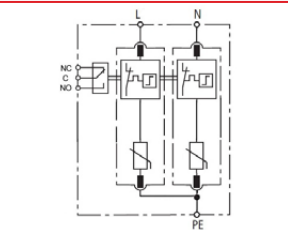
3) 3 + 0



4) 1 + 1



5) 2 + 0



Độc Cực SPD

?? Giai đoạn 18mm Độc thân ?? U_∞ 20KV

MDSS 20 / ...



- ✖ 18mm T3 SPD nhỏ gọn cho giai đoạn duy nhất hoặc hai nóng bảo vệ dòng.
- ✖ Max xả hiện nay lên đến 20kA 8 / 20μs và mở mạch điện áp U_∞ đến 20KV.
- ✖ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ✖ dao cách ly nhiệt đáng tin cậy để được an toàn không.
- ✖ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- ✖ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2



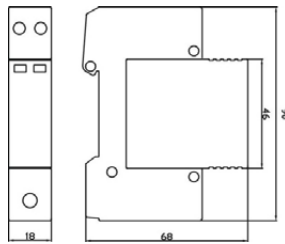
Mô hình		MDSS10 / 12-2V-S MDSS10 / 24-2V-S MDSS20 / 36-2V-S MDSS20 / 48-2V-S MDSS20 / 60-2V-S MDSS20 / 110-2V-S					
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th					
Thể loại IEC / EN / UL		Class III / T3 / Loại 1ca					
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	30V / 38V	35V / 45v	50V / 65V	60V / 81V	75V / 100V	130V / 170V
Công nghệ		MOV Công nghệ cách ly nhiệt					
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE, N-PE					
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tn}	5kA	5kA	10kA	10kA	10kA	10kA
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tn max}	10kA	10kA	20kA	20kA	20kA	20kA
Mở Circuit Voltage (1,2 / 50μs)	U _{oc}	10kV	10kV	20KV	20KV	20KV	20KV
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 160V	≤ 180V	≤ 330V	≤ 370V	≤ 460V	≤ 700V
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{TOV}	34V / 5s	40V / 5s	70V / 5s	78V / 5s	90V / 5s	160V / 5s
hiện tại còn lại	I _{res}	<0.1mA					
Thời gian đáp ứng	t _{map}	≤ 25ns					
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		32A GL / GG					
môi trường		Nhiệt độ: -40°C ~ + 80°C; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m					
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 10mm ² ; 6mm ² đa sợi 2					
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3					
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0					
Mức độ bảo vệ		IP20					
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880					
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-					
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng					
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE					
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên							
hệ		Isolated Mẫu C					
Switching Capability U _n / I _{tn}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A					
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)					

(Mô hình hơn trong trang tiếp theo ...)

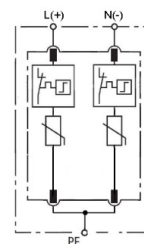
(Nhiều mô hình của MDSS 20 / ...)

Mô hình		MDSS20 / 150 2V-S	MDSS20 / 175- 2V-S	MDSS20 / 275- 2V-S	MDSS20 / 320- 2V-S	MDSS20 / 385- 2V-S	MDSS20 / 420- 2V-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th					
Thể loại IEC / EN / UL		Class III / T3 / Loại 1ca					
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	150V / 200V	175V / 225V	275V / 350V	320V / 420V	385V / 505V	420V / 560V
Công nghệ		MOV Công nghệ cách ly nhiệt					
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE, N-PE					
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tαn}	10kA	10kA	10kA	10kA	10kA	10kA
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{tαm}	20kA	20kA	20kA	20kA	20kA	20kA
Mở Circuit Voltage (1,2 / 50μs)	U _{oc}	20KV	20KV	20KV	20KV	20KV	20KV
Điện áp cấp độ bảo vệ	U _p	≤ 0.8kV	≤ 0.9kV	≤ 1.2kV	≤ 1.3kV	≤ 1.4kV	≤ 1.6kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U _{tov}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	403V / 5s	504V / 5s
hiện tại còn lại	I _{tαr}	<0.1mA					
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 25ns					
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		32A GL / GG					
môi trường		Nhiệt độ: -40°C ~ + 80°C; Độ ẩm: ≤ 9 5%; độ cao: ≤ 2000m					
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 10mm ² ; 6mm đa sợi 2					
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3					
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0					
Mức độ bảo vệ		IP20					
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880					
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-					
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng					
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE					
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên							
hệ		Isolated Mẫu C					
Switching Capability U _n / I _{tαn}		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A					
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm ² (hoặc # 16AWG)					

?? Vẽ Dimension

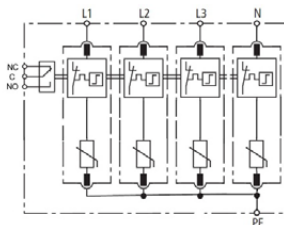


?? Basic Circuit Diagram

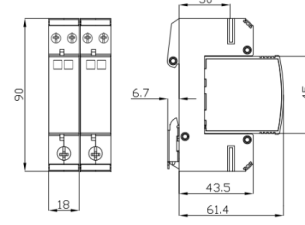


Prewired Multi-cực SPD

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram



1) 4 + 0



Độc Cực SPD

?? Giai đoạn 18mm Độc thân ?? U_∞ 10kV

T1

T2

T3

MDS10 / ... -F

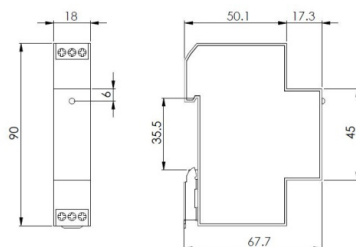


- ✂ 18mm monoblock T3 SPD để bảo vệ giai đoạn duy nhất.
- ✂ "1 + 1" mạch bảo vệ cho TN-S và TT hệ thống mạng
- ✂ Đánh giá 10A hiện tại trên danh nghĩa
- ✂ Max xả hiện nay lên đến 20kA 8 / 20μs và mở mạch điện áp U_∞ đến 10kV
- ✂ mô-đun kết nối thiết bị đầu cuối.
- ✂ bảo vệ nhiệt & chỉ số thất bại LED.
- ✂ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th IEEE C62.41, CSA C22.2



Mô hình		MDS10 / 150 (V + T) -F	MDS10 / 175- (V + T) -F	MDS10 / 275- (V + T) -F	MDS10 / 300- (V + T) -F	MDS10 / 320- (V + T) -F
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 th				
Thế loại IEC / EN / UL		Class III / T3 / Loại 1ca				
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U _c	150V / 200V	175V / 225V	275V / 350V	300V / 385V	320V / 420V
Công nghệ		công nghệ MOV + GDT bảo vệ Nhiệt				
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / LN, N-PE				
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{ts}	5kA				
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	I _{max}	10kA				
Mở Circuit Voltage (1.2 / 50μs)	U _{oc}	10kV				
Bảo vệ điện áp Cấp @ I _n LN	U _p	≤ 0.8kV	≤ 0.8kV	≤ 1.3kV	≤ 1.4kV	≤ 1.5kV
Bảo vệ điện áp Cấp @ 1.2 / 50μs N-PE	U _p	≤ 0.8kV	≤ 0.8kV	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV LN - Chế độ chịu được	U _{tov}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	335V / 5s
Tạm thời quá áp TOV N-PE - Chế độ chịu được	U _{tov}	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	I _{res}	<0.1mA				
Danh nghĩa tải hiện tại	I _{ti}	10A				
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	I _{sc}	6kArms				
Thời gian đáp ứng	t _{max}	≤ 25ns				
môi trường		Nhiệt độ: - 40°C ~ + 70°C; Độ ẩm: ≤ 95%; wAltitude: ≤ 2000m				
Mặt cắt ngang của dây kết nối		4mm single-strand 2; đa sợi 2,5 mm ²				
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3				
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0				
Mức độ bảo vệ		IP20				
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880				
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-				
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		CE				

?? Vẽ Dimension



?? Basic Circuit Diagram

